

Đã từ lâu người ta không chỉ nói đến lạm phát mà người ta còn nói đến các loại lạm phát, nói đến tốc độ, cách đo lường lạm phát và cũng không ít các nhà khoa học, các nhà chức trách đã mất rất nhiều công sức trong việc tìm giải pháp về vấn đề lạm phát để hạn chế các hậu quả do lạm phát gây ra.... Có nhiều quan điểm xoay quanh vấn đề này. Có quan điểm cho rằng phải chống lại lạm phát, phải đẩy lùi lạm phát. Một số khác lại nói rằng người hy vọng chống lạm phát, chỉ có thể tìm cách kiểm soát nó, kiểm chế nó.... Song cũng không ít người lại thấy sự cần thiết trong việc chấp nhận một tỷ lệ lạm phát nhẹ nhàng để bồi trợ cho tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế....

Vậy thì: Lạm phát là gì? Câu trả lời tưởng như đơn giản nhưng không hẳn như vậy.... Để làm sáng tỏ vấn đề này xin mời các bạn tham gia “**DIỄN ĐÀN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**” với chuyên đề:

“Lạm phát là gì?”

LẠM PHÁT TIỀN TỆ VÀ LẠM PHÁT GIÁ CẢ

Thanh Ngọc

Từ năm 2004, nhiều định nghĩa khác nhau về lạm phát đã xuất hiện trên báo chí, đôi khi ta phải tìm hiểu kỹ về định nghĩa lạm phát. Định nghĩa lạm phát có khá nhiều, tùy theo mỗi nhà kinh tế nên không thể và cũng không nên đặt vấn đề nghiên cứu về tất cả các định nghĩa lạm phát. Theo tôi trong các định nghĩa về lạm phát nổi lên hai trường phái có cách trình bày khác nhau như nước với lửa. Nó làm cho việc hiểu hành tiền tệ ở nước ta rơi vào tình trạng không đồng thuận ảnh hưởng rất lớn đến điều hành tiền tệ và tài chính. Đó là:

1. Trường phái lạm phát tiền tệ lâu đời của những tên tuổi như Karl Marx. Milton Friedman, John M. Keynes, Irving Fisher,... với quan điểm khá nhất quan với nhau là: “*ở đâu và bao giờ lạm phát cũng là một hiện tượng tiền tệ*”. Vì vậy định nghĩa lạm phát được xác định với nội dung cơ bản là: “*Lạm phát là tình hình khối tiền lưu thông quá nhiều so với nhu cầu lưu thông hàng hoá và dịch vụ*”. Điều này phù hợp với quy luật lưu

thông tiền tệ qua phương trình trao đổi nổi tiếng của Fisher $MV = PQ$ với M là khối tiền lưu thông, V là tốc độ lưu thông tiền tệ (hay vòng quay của đồng tiền), P là giá cả hàng hóa và dịch vụ đưa ra lưu thông và Q là khối lượng hàng hóa và dịch vụ đưa ra lưu thông.

Marx cũng phát hiện ra quy luật lưu thông tiền tệ nhưng điều khác biệt nhỏ là Mác tách M thành Md, khối tiền cần cho lưu thông (Money demand) và Ms, khối tiền thực sự lưu thông (Money supply). Vì vậy lạm phát là tình hình Ms quá nhiều so với Md.

Theo trường phái lạm phát giá cả thì không có lạm phát vàng vì vàng là tiền thực có giá trị bản thân nên khi thiếu tiền cho lưu thông, nhà tư bản đem vàng thoi vàng nén ra Sở đúc tiền của Nhà nước đúc (miễn phí hay với chi phí rất thấp) thành tiền vàng. Nhưng các nước hầu như không đủ lượng vàng để đúc tiền vàng đủ cho lưu thông nên phải cho lưu thông giấy bạc ngân hàng có thể chuyển đổi tự do ra tiền vàng.

(về sau việc đổi giấy bạc ngân hàng ra tiền vàng bị hạn chế về số lượng tối đa được đổi và về đối tượng được đổi như chỉ có các ngân hàng thường mại được đổi ở Ngân hàng Trung ương (NHTW), hay trong chế độ tiền tệ Bretton Woods NHTW Mỹ chỉ đổi cho NHTW các nước thành viên của chế độ tiền tệ này). Người ta gọi đây là chế độ bản vị vàng không đầy đủ.

Keynes đã phê phán chế độ bản vị vàng là tàn tích của chế độ mông muội vì khi giấy bạc ngân hàng phát hành vượt qua lượng vàng dự trữ của ngân hàng phát hành, nhà nước buộc chỉ được phát hành giấy bạc theo tỷ lệ đã quy định theo luật pháp. Thậm chí khi khối vàng dự trữ giảm mạnh do phải dùng vàng để thanh toán hàng nhập của nước ngoài, luật ngân hàng của nước Anh còn quy định trường hợp này phải thu hồi một lượng giấy bạc ngân hàng lưu hành cho đúng với tỷ lệ vàng đảm bảo cho tiền lưu thông. Khi đó giấy bạc ngân hàng trở nên thiếu cho lưu thông ($M_s < M_d$ khi Md không đổi hay vẫn tăng theo PQ) hoặc tình trạng thiếu phát xảy ra,

trở thành một trong những nguyên nhân gây suy thoái, thậm chí khủng hoảng kinh tế thế giới chu kỳ. Nhiều sách kinh tế học đã thống kê chỉ cần thiếu phát ở mức -30% là khủng hoảng kinh tế xảy ra. Ở Mỹ chỉ cần thiếu phát -12% là đã xảy ra khủng hoảng kinh tế năm 1929-1932.

Keynes đã cho rằng chế độ tiền giấy là ưu việt nhất vì có thể in và phát hành tiền giấy cho đủ với lượng hàng hóa sản xuất thừa xảy ra khi khủng hoảng sản xuất thừa chu kỳ trong Chủ nghĩa Tư bản. Trước khi Keynes cho ra đời cuốn sách: "*Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ*" năm 1936, thì lượng hàng sản xuất thừa được các nhà tư bản đổ xuống sông xuống biển để khỏi phải bán phá giá, điều mà họ cho là có hại hơn là hủy hàng sản xuất thừa. Vì thế trong khủng hoảng kinh tế người dân lao động bị thiệt hại nhiều hơn cả do hàng thừa giá rẻ vô cùng nhưng thất nghiệp tăng vọt, không có tiền để mua.

2. Trường phái lạm phát giá cả mới phát sinh từ năm 1948 khi Paul A. Samuelson xuất bản lần đầu cuốn Kinh tế học và William D. Nordhaus là đồng tác giả. Giáo sư Samuelson là người Mỹ đầu tiên được giải thưởng Nobel kinh tế năm 1970. Vì thế ông là tác giả nổi tiếng nhất của trường phái lạm phát giá cả. Ông đã đưa ra định nghĩa khác hẳn: "*Lạm phát biểu thị một sự tăng lên trong mức giá cả chung*". Đọc kỹ định nghĩa này ta thấy nó đảo lộn nhân quả so với định nghĩa lạm phát của trường phái lạm phát tiền tệ: biến việc tăng giá cả chung, vốn là **kết quả** của lạm phát tiền giấy, thành **nguyên nhân** của lạm phát giá cả.

Chính sự đảo lộn nhân quả này để ra nhiều nghi vấn khoa học trong định nghĩa về lạm phát giá cả và các loại lạm phát giá cả, nhất là về phương thuốc chữa trị lạm phát giá cả. Những nghi vấn khoa học đó là:

● **Cho rằng có cả lạm phát vàng**

Qua biểu đồ "*Lạm phát giá cả đi liền với lịch sử lâu đời của chủ nghĩa tư bản*", sau đây:

Đường biểu diễn CPI từ năm 1270 đến nay của nước Anh có chỗ ghi chú "**Châu báu của thế giới mới**", đã cho thấy rõ việc phát hiện ra châu Mỹ là nguyên nhân gây ra lạm phát vàng ở Châu Âu, thời kỳ cuộc cách mạng giá cả ở Châu Âu làm mức giá chung tăng khoảng 4 lần. Đường biểu diễn đó cũng nói lên rằng khi nước Anh tiêu tiền vàng (cho tới chiến tranh thế giới II) là có lạm phát vàng. Sau phải tiêu tiền giấy là có lạm phát tiền giấy. Sai lầm này của Samuelson là khó có ý bệnh vực được vì làm sao trả lời được câu hỏi: "*Có chiếc máy in nào in được tiền vàng rẻ như in tiền giấy để lạm phát vàng?*"

● **Nhắm lẫn trong định nghĩa lạm phát cầu kéo**

Với định nghĩa "**Lạm phát cầu kéo** diễn ra khi tổng cầu tăng nhanh hơn tiềm năng sản xuất của một nước, kéo giá tăng lên để làm cân bằng tổng cung và tổng cầu"² Samuelson đã coi các cú sốc giá cả (như sốc dầu lửa hiện nay) là lạm phát, dù đã khoác cái tên lạm phát cầu kéo.

Nguyên nhân của lạm phát cầu kéo là do tổng cầu lớn hơn tổng cung mà quy luật cung cầu, 1 quy luật kinh tế gây ra, nhưng

Samuelson đã không nghĩ ra được phương thuốc đặc trị chữa đúng nguyên nhân của lạm phát cầu kéo, mà đã mặc nhiên dùng các công cụ của chính sách tiền tệ vốn là phương thuốc đặc trị của lạm phát tiền tệ để chữa lạm phát cầu kéo. Ý kiến bệnh vực cho Samuelson sẽ khó đứng vững khi vấn đề được đặt ngược trở lại: "*các công cụ của chính sách tiền tệ, vốn là phương thuốc chữa lạm phát tiền tệ, có thể làm cân bằng lại tổng cung - tổng cầu không?*" hoặc "*Nhà nước có thể can thiệp vào nền kinh tế bất chấp quy luật kinh tế không?*"

● **Nhắm lẫn giữa cung & cầu dầu lửa với cung tiền > cầu tiền tệ trong định nghĩa lạm phát chi phí đẩy.**

Với định nghĩa: "*lạm phát xảy ra do chi phí tăng lên trong những giai đoạn thất nghiệp cao và mức huy động nguồn lực yếu ớt được gọi là lạm phát chi phí đẩy*"³, Samuelson đã nhắm lẫn coi hai cú sốc dầu lửa là lạm phát.

Nguyên nhân là do chi phí tăng lên nhưng Samuelson cũng chẳng nghĩ ra được phương thuốc nào để hạ chi phí cho doanh nghiệp nên học trò của ông ta, Fed, đã thất bại tiền tệ và nâng lãi suất đến 20%, gây ra 2 cuộc suy thoái cho nước Mỹ, mô tả ở phần cuối bài này. Cũng có thể đặt ngược lại vấn đề liệu có doanh nghiệp nào ở Việt Nam tin rằng nhà nước có phép hạ hạ chi phí sản xuất thay giám đốc doanh nghiệp để họ cứ ung dung không phải bỏ vốn và chất sấm ra lo tiết kiệm các chi phí khác ngoài tiền xăng dầu, nguyên liệu từ thực phẩm và nhất là hợp sức với các viện nghiên cứu tìm ra nhiên liệu khác thay thế xăng dầu và các nguyên liệu

truyền thống (than đá, dầu lửa, kim loại....) mà các mỏ có hạn đang bị khai thác cạn kiệt dần.

● **Không dựa vào quy luật lưu thông tiền tệ để luận giải về lạm phát giá cả**

Tuy Samuelson đã biến $MV = PQ$ thành $PQ \equiv MV$ nhưng đã không có một đoạn nào luận giải về công cụ của chính sách tiền tệ có thể hạ được giá dầu lửa, may mà số liệu về hai cuộc suy thoái này là không thể đảo ngược, nên theo một thông tin từ Mỹ, Samuelson đã nhận ra sai lầm và thay đổi quan điểm về lạm phát chi phí đẩy. Cách nhận ra sai lầm của Samuelson rất dễ thực hiện vì khi tìm đọc trong cuốn kinh tế học của giáo sư sẽ không thể nào tìm ra một đoạn nào nói về phương thuốc chữa trị lạm phát giá cả, lạm phát cầu kéo và lạm phát chi phí đẩy. Như vậy chẳng khác gì một giáo sư – bác sĩ phát hiện ra bệnh sốt xuất huyết mà lại yển chí dùng thuốc trị sốt thương hàn để chữa sốt xuất huyết. Vì vậy ai cũng nói rằng kinh tế học có độ chính xác khoa học kém xa khoa học tự nhiên.

Chính vì không quan tâm tìm ra thuốc chữa trị lạm phát giá cả lại cứ yển trí nói lạm phát giá cả là có thể chữa lạm phát chi phí đẩy bằng thắt chặt tiền tệ và nâng lãi suất, vốn là phương thuốc chữa lạm phát tiền tệ, nên Samuelson đã đưa nước Mỹ, quê hương ông, sa vào hai cuộc suy thoái 1973-1975 và 1980-1983 như bảng 1.

Khi cuộc chiến tranh dầu lửa 1973 xảy ra, Mỹ bị khối OPEC cấm vận dầu lửa giá dầu ở nước Mỹ tăng 4 lần, khối tiền tệ được hạ từ mức tăng 9,4% xuống còn

Bảng 1. Tình hình suy thoái ở Mỹ do áp dụng thuyết "lạm phát giá cả" trong cú sốc dầu lửa thứ nhất

Năm	1972	1973	1974	1975
Tiến: % tăng	9,4%	2,4%	4,5%	6,2%
Chỉ số giá %	3,0%	11,0%	9,0%	5,9%
% tăng GDP	5,43%	5,77%	-0,59%	-0,36%

Nguồn: Thống kê Tài chính Quốc tế của IMF
2,4% và 4,5%, kinh tế Mỹ đã bị suy thoái với mức tăng GDP -0,59% năm 1974 và -0,36% năm 1975.

Trong cú sốc dầu lửa thứ hai do chiến tranh Iran-Irak gây ra, Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) còn nâng lãi suất lên 20%, mức kỷ lục của các nước công nghiệp thế kỷ trước, nên suy thoái nặng hơn gấp 3,24 lần năm 1974, tới mức **-2,03% năm 1982**, ghi lại trong bảng 2.

Bảng 2. Suy thoái ở Mỹ trong cú sốc dầu lửa thứ hai

Năm	1979	1980	1981	1982
Tiến: % tăng	9,4%	4,9%	4,9%	7,4%
Chỉ số giá %	13,7%	10,4%	4,4%	4,4%
% tăng GDP	3,18%	-0,23%	2,45%	-2,03%

Nguồn: Thống kê Tài chính Quốc tế của IMF

Kết cục bi thảm hơn lần trước là các doanh nghiệp Mỹ đang lao đao vì chi phí sản xuất tăng lại bị các ngân hàng từ chối cho vay do tổng dư nợ bị Fed khống chế, nên phá sản hàng loạt tới 25 ngàn, với 10 triệu người thất nghiệp (10% lực lượng lao động)¹. Lãi suất cao kỷ lục đó còn làm cho 1000 ngân hàng tiết kiệm vỡ nợ mà tổng chi phí bảo lãnh ước tính là 159 tỷ USD trong khoảng 10 năm cho tới 1999².

May sao năm 2004, NHTW theo trường phái lạm phát tiền tệ đã phát biểu mức lạm phát tiền

tệ chỉ là trên 5% (mức lạm phát cơ bản, core inflation) và kiên quyết không nâng lãi suất lên theo mức CPI 9,5% nên đã không dẫm vào vết xe đổ của Mỹ trong hai cuộc suy thoái nói trên

nhìn doanh nghiệp không bị phá sản hàng loạt như Mỹ. Mức tăng GDP đã tăng cao hơn thời kỳ bị ảnh hưởng của khủng hoảng tiền tệ Đông Á. Hiểu đúng những sai đung trong định nghĩa lạm phát của hai trường phái lạm phát tiền tệ và lạm phát giá cả là để điều hành lạm phát có lợi cho phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống.

Nghiên cứu lạm phát tiền tệ và lạm phát giá cả là để nâng cao nhận thức về cơ sở lý luận của chính sách tiền tệ đúng sử dụng tiền tệ đúng với vai trò vốn có của nó, nhất là khả năng kích thích tăng trưởng chống nguy cơ tụt hậu ■

¹ Paul A. Samuelson và William D. Nordhaus, *Kinh tế học, tập II, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội 1997, trang 391.*

² *Sách vừa dẫn trên, trang 410.*

³ *Sách vừa dẫn trên, trang 411.*

⁴ Frederic S. Mishkin, *Tiền tệ, Ngân hàng & Thị trường Tài chính, NXB Khoa học Kỹ Thuật, 1994, trang 29.*

⁵ Frederic S. Mishkin, *sách đã dẫn, trang 332.*